

THU MỤC

TẠP CHÍ KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN SỐ 262 THÁNG 4 NĂM 2019

Trung tâm Thông tin Thư viện trân trọng giới thiệu Thư mục Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 262 tháng 4 năm 2019.

1. Chi tiêu chính phủ và tăng trưởng kinh tế: Lý thuyết và bằng chứng thực nghiệm ở Việt Nam/ Phạm Thế Anh// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 262 tháng 4/2019 .- Tr. 2 – 10

Tóm tắt: Bài viết này nhằm tổng quan lý thuyết về mối quan hệ giữa chi tiêu chính phủ với tăng trưởng kinh tế và phân tích thực nghiệm mối quan hệ này sử dụng dữ liệu cấp tỉnh/thành phố ở Việt Nam trong gần một thập kỷ gần đây. Dựa trên mô hình tăng trưởng tân cổ điển có tính đến vai trò của các loại chi tiêu chính phủ khác nhau, phân tích thực nghiệm của chúng tôi chỉ ra rằng có tồn tại sự hội tụ về thu nhập giữa các tỉnh. Ngoài ra, vốn con người, FDI và sự chuyển dịch theo hướng thu hẹp khu vực nông nghiệp có vai trò tích cực của đối với tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, chúng tôi không tìm thấy bằng chứng tích cực nào của chi tiêu chính phủ, bất kể đầu tư hay tiêu dùng, trong mọi lĩnh vực, đối với tăng trưởng kinh tế. Điều này gợi ý rằng, việc thu hẹp bộ máy hành chính và rút lui khỏi các hoạt động kinh tế của nhà nước sẽ giúp ổn định kinh tế vĩ mô mà không ảnh hưởng xấu đến tăng trưởng kinh tế.

Từ khóa: Chi tiêu chính phủ; Tăng trưởng kinh tế; Phân tích thực nghiệm

2. Đánh giá tác động của nợ công đến lạm phát ở Việt Nam/ Đỗ Thị Thu Thủy, Nguyễn Thanh Tùng, Nguyễn Trung Kiên// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 262 tháng 4/2019 .- Tr. 11 – 20

Tóm tắt: Bài viết tìm hiểu tác động của nợ công đến lạm phát của Việt Nam bằng phương pháp sử dụng mô hình kiểm định tính đồng liên kết và mô hình ARDL là sự kết hợp giữa mô hình tự hồi quy vecto (VAR) và mô hình bình phương nhỏ nhất (OLS) với dữ liệu nghiên cứu trong giai đoạn 2001 - 2017. Kết quả phân tích cho thấy (1) mức tăng nợ công trễ 1 năm có tác động tới mức tăng của lạm phát. (2) lạm phát có mối tương quan ngược chiều với nợ công và cụ thể làm bào mòn giá trị thực của nợ công trong giai đoạn nghiên cứu.(3) Việt Nam nên thận trọng với các khoản nợ, việc vay nợ cần phải có mục tiêu và chiến lược rõ ràng, phải tính đến khả năng thu hồi vốn để chi trả nợ.

Từ khóa: Nợ công; Lạm phát; Tăng trưởng kinh tế

3. Tác động của quyết định tài chính tới rủi ro vốn cổ phần của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam/ Nguyễn Thị Vũ Khuyên, Nguyễn Văn Nam// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 262 tháng 4/2019 .- Tr. 21 – 30

Tóm tắt: Bài báo đánh giá tác động tổng hợp và riêng lẻ các quyết định tài chính doanh nghiệp tới rủi ro vốn cổ phần của doanh nghiệp. Kết quả từ phân tích mô hình các ảnh hưởng cố định (FEM) trên 420 doanh nghiệp phi tài chính niêm yết trên 2 sàn HOSE và HNX (2010-2017) cho thấy tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu, tỷ suất sinh lời của vốn đầu tư, tỷ lệ lợi tức cổ tức có tác động mạnh mẽ tới rủi ro vốn cổ phần của doanh nghiệp. Nghiên cứu đã phát hiện thêm được mối quan hệ tương quan chặt chẽ giữa tỷ lệ nợ ngắn hạn và tỷ lệ nợ vay với rủi ro vốn cổ phần. Nhưng rất thú vị là khi các doanh nghiệp Việt Nam giảm nợ ngắn hạn đồng thời với tăng hiệu quả sử dụng vốn dài hạn và tăng tỷ lệ lợi tức cổ tức lại làm rủi ro vốn cổ phần tăng lên. Cuối cùng, một kết quả hiếm thấy trong tổng quan nghiên cứu là chỉ tiêu Sức sinh lợi cơ sở (BEP) lên sẽ làm rủi ro vốn cổ phần tăng.

Từ khóa: Quyết định đầu tư; Quyết định nguồn vốn; Quyết định phân phối thu nhập; Rủi ro vốn cổ phần

4. Hiệu ứng tháng về lợi nhuận chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam/ Phạm Đan Khánh// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 262 tháng 4/2019 .- Tr. 31 – 38

Tóm tắt: Nghiên cứu này cung cấp bằng chứng thực nghiệm về tác động của hiệu ứng tháng đối với lợi nhuận chứng khoán và các vấn đề lý giải tác động của hiệu ứng tháng trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Mô hình hồi quy biến giả được áp dụng với các chuỗi dữ liệu từ tháng 3 năm 2002 đến tháng 12 năm 2017 cho 3 nhóm chỉ số: VN-Index, HN-Index và chỉ số ngành dầu khí. Kết quả cho thấy sự xuất hiện của hiệu ứng tháng giao dịch trong năm. Kết quả này cũng bổ sung thêm vào những lập luận khẳng định tồn tại hiện tượng mùa vụ trên thị trường chứng khoán Việt Nam và thị trường chứng khoán Việt Nam là không hiệu quả dạng yếu.

Từ khóa: Hiệu ứng tháng; Thị trường chứng khoán; Lợi nhuận chứng khoán

5. Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo đối với vùng dân tộc thiểu số/ Lê Thị Anh Vân// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 262 tháng 4/2019 .- Tr. 39 – 47

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện chính sách hỗ trợ đối với vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam, bao gồm: các chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng; chính sách tín dụng hộ nghèo; các chính sách hỗ trợ y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, cung cấp dịch vụ... và hỗ trợ trực tiếp, các chính sách hỗ trợ theo nhóm đối tượng, có chính sách chung và chính sách đặc thù. Các chính sách được phân tích trong giai đoạn

2016-2018. Quá trình thực hiện các chính sách này đã góp phần quan trọng vào việc xóa đói giảm nghèo đối với đồng bào vùng dân tộc thiểu số, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân. Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy những hạn chế, bất cập từ việc hoạch định đến tổ chức thực thi các chính sách này. Do đó, bài viết đề xuất một số định hướng và khuyến nghị giải pháp đổi mới cơ chế, chính sách hỗ trợ giảm nghèo đối với vùng dân tộc thiểu số trong thời gian tới.

Từ khóa: Chính sách; Dân tộc thiểu số; Nông thôn mới; Phát triển bền vững; Xóa đói, giảm nghèo

6. Mối quan hệ giữa năng lực và hiệu quả quản lý của nhân sự quản lý kinh doanh trong các ngân hàng thương mại Việt Nam/ Dương Thị Hoài Nhung, Lê Thái Phong// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 262 tháng 4/2019 .- Tr. 48 – 58

Tóm tắt: Nghiên cứu kiểm tra sự tác động của các yếu tố cấu phần năng lực quản lý đến hiệu quả quản lý của nhân sự quản lý kinh doanh tại các ngân hàng thương mại Việt Nam hoạt động trên địa bàn Hà Nội. Bài báo đã sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính (phỏng vấn sâu) với nghiên cứu định lượng (phân tích nhân tố khám phá) để xác định các năng lực quản lý cần thiết đối với nhân sự quản lý kinh doanh. Phương pháp phân tích hồi quy được sử dụng để đánh giá mức độ tác động của các năng lực quản lý tới hiệu quả quản lý và kết quả cho thấy năng lực thích nghi với hoàn cảnh và giải quyết vấn đề có tác động thuận chiều với hiệu quả quản lý. Với kết quả nghiên cứu trên, bài viết đã đưa ra căn cứ quan trọng cho hoạt động quản trị nhân lực dựa trên năng lực đối với nhân sự quản lý kinh doanh.

Từ khóa: Hiệu quả quản lý; Năng lực quản lý; Nhân sự quản lý kinh doanh; Ngân hàng thương mại

7. Hiệu quả kỹ thuật và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật trong trồng lúa ở Huyện Cờ Đỏ, Thành phố Cần Thơ/ Lâm Minh Trí, Liêu Thanh, Phạm Lê Thông// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 262 tháng 4/2019 .- Tr. 59 – 68

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm ước lượng mức hiệu quả kỹ thuật và những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật đối với nông hộ trồng lúa tại huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Dựa trên số liệu từ điều tra giá thành sản xuất tại các xã trên địa bàn huyện Cờ Đỏ theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 171/2010/TTLT-BTC-BNNPTNT. Số liệu được thu thập từ 360 hộ trong các vụ Đông Xuân, Hè Thu và Thu Đông từ năm 2014 – 2016. Kết quả ước lượng hàm sản xuất biên ngẫu nhiên Cobb-Douglas đồng thời với hàm phi hiệu quả dựa trên số liệu bảng cho thấy lượng lúa giống gieo sạ, lượng phân N và P nguyên chất, hoạt chất phòng trị bệnh, lao động thuê ngoài và chi phí làm đất có quan hệ đồng biến với tổng sản lượng lúa của nông hộ. Mức hiệu quả kỹ thuật trung bình của nông hộ là 68% và sự biến động hiệu quả tương đối lớn giữa các hộ. Mức phi hiệu quả

của nông hộ có quan hệ nghịch chiều với diện tích canh tác và việc sử dụng giống xác nhận. Do vậy, việc khuyến khích nông dân mở rộng diện tích canh tác và sử dụng các loại giống xác nhận sẽ làm tăng hiệu quả sản xuất.

Từ khóa: Cờ Đỏ; Hàm sản xuất biên ngẫu nhiên; Hiệu quả kỹ thuật; Ước lượng một bước

8. Lý thuyết tìm kiếm: Tác động của kỳ vọng lên hành vi người mua nhà/ Trương Thành Hiệp, Phan Đình Nguyên, Nguyễn Thị Bích Hồng// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 262 tháng 4/2019 .- Tr. 69 – 79

Tóm tắt: Nghiên cứu đã phát triển một mô hình lý thuyết tìm kiếm của người mua nhà nhằm phân tích ảnh hưởng của sự kỳ vọng lên hành vi của người mua. Kết quả mô hình cho thấy rằng khi người mua nhà có kỳ vọng lạc quan trong tương lai thì họ sẽ dễ tính hơn trong các giao dịch với việc thiết lập mức ngưỡng mua thấp. Việc này sẽ thúc đẩy thị trường nhà ở tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ hơn. Ngược lại, khi người mua có kỳ vọng kém lạc quan thì họ trở nên khó tính hơn trong hành vi mua nhà với việc thiết lập mức ngưỡng mua cao hơn. Việc này dẫn tới hệ quả là quá trình mua nhà sẽ bị kéo dài, khối lượng giao dịch nhà ở sụt giảm, và mức giá giao dịch nhà ở bị kéo giảm. Do đó, lý thuyết này trả lời được cả 2 vấn đề thường gặp phải khi thị trường nhà ở, đó là giá nhà và khối lượng giao dịch đều cùng giảm mạnh khi thị trường đi xuống, và cùng tăng khi thị trường nhà ở đi lên.

Từ khóa: Thị trường nhà ở; Hành vi người mua nhà; Lý thuyết tìm kiếm; Sự kỳ vọng

9. Xây dựng mô hình triển khai chức năng chất lượng để đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp/ Đỗ Anh Đức, Lưu Hữu Văn// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 262 tháng 4/2019 .- Tr. 80 – 88

Tóm tắt: Mục tiêu của nghiên cứu là trình bày một mô hình triển khai chức năng chất lượng mới (quality function deployment - QFD) dựa trên hàm điểm số, hàm chính xác và hàm chắc chắn dưới môi trường của tập “neutrosophic” khoảng cho đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp. Trong mô hình đề xuất, giá trị trọng số của các tiêu chuẩn “WHATs”, “HOWs”, giá trị tương quan “HOWs”-“WHATs” và tác động của mỗi nhà cung cấp tiềm năng được đánh giá sử dụng tập neutrosophic khoảng. Trong mô hình đánh giá, các tiêu chuẩn kinh tế, môi trường và xã hội được xem xét. Ví dụ minh họa được sử dụng để diễn tả những lợi thế và khả năng áp dụng của phương pháp đề xuất.

Từ khóa: Tập neutrosophic khoảng; Nhà cung cấp; Mô hình triển khai chức năng chất lượng